

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-KCHTGT

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

V/v công bố, điều chỉnh khổ tải trọng
và khổ giới hạn của cầu, đường bộ
năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Văn bản số 3436/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 13/6/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc rà soát tải trọng và khổ giới hạn của cầu, đường bộ năm 2022.

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ quản lý hệ thống Quốc lộ được Tổng cục Đường bộ Việt Nam ủy thác quản lý, Sở Giao thông vận tải Bắc Kạn báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc rà soát tải trọng và khổ giới hạn của cầu, đường bộ trên tuyến Quốc lộ 279, Quốc lộ 3B, Quốc lộ 3C do Sở GTVT Bắc Kạn quản lý như sau:

1. Tuyến Quốc lộ 279, thuộc địa phận tỉnh Bắc Kạn từ Km229 - Km340 và từ Km27 - Km63.

2. Tuyến Quốc lộ 3B, thuộc địa phận tỉnh Bắc Kạn từ Km61 - Km211.

3. Tuyến Quốc lộ 3C, thuộc địa phận tỉnh Bắc Kạn từ Km35 - Km67+900.

(có biểu thống kê chi tiết các vị trí cầu, đường hạn chế về tải trọng và khổ giới hạn kèm theo)

Trên đây là nội dung rà soát tải trọng và khổ giới hạn đường bộ các tuyến Quốc lộ do Sở GTVT Bắc Kạn được giao quản lý và báo cáo để Tổng cục Đường bộ Việt Nam biết./.

Nơi nhận:

Bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (b/c).

Bản giấy:

- Như trên;
- Lưu: VT, KCHTGT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Quang Hùng

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHỤ LỤC 01: CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ DO SỞ GTVT BẮC KẠN QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số /SGTVT-KCHTGT ngày /6/2022 của Sở Giao thông vận tải Bắc Kạn)

STT	QL	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Chiều rộng (m)	Bề rộng xe chạy (m)	TT Thiết kế	Tải trọng thực tế				ghi chú
										11A	11B	11C	11D	
I	Quốc lộ 279:													
1	279	Cầu PiO	Km248+330	Bắc Kạn	32.7	1	9.5	7			25-35-45			
2	279	Cầu Nà Đăng	Km255+300	Bắc Kạn	39.2	2	9.5	7			25-35-45			
3	279	Cầu Lạng San	Km258+502	Bắc Kạn	36.7	2	9.5	7			25-35-45			
4	279	Cầu Khuổi Lụa	Km261+657	Bắc Kạn	26.3	1	9.5	7			25-35-45			
5	279	Cầu Nà Làng	Km264+710	Bắc Kạn	62.4	3	9.5	7			25-35-45			
6	279	Cầu Nà coóc	Km313+510	Bắc Kạn	47.1	1	7.5	6.5			25-28-30			
7	279	Cầu Bản Mới	Km321+330	Bắc Kạn	15.07	1	9.5	7.0			30-35-48			
8	279	Cầu Phiêng Giản	Km326+7	Bắc Kạn	18	1	9.5	7.0			30-35-48			
9	279	Cầu Nà Thi	Km329+850	Bắc Kạn	60.2	3	9.5	7.0			30-35-48			
10	279	Cầu Bản Hon	Km333+600	Bắc Kạn	6.6	1	8.2	7.6			30-35-48			
II	Quốc lộ 3B: Không													
III	Quốc lộ 3C: Không													

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHỤ LỤC 02: BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG VÀ CÁC VỊ TRÍ HẠN CHẾ SO VỚI CẤP ĐƯỜNG CỦA CÁC TUYẾN QUỐC LỘ DO SỞ GTVT BẮC KẠN QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số /SGTVT-KCHTGT ngày /6/2022 của Sở Giao thông vận tải Bắc Kạn)

TT	Tên đường	Đoạn tuyến				Tên tỉnh	Cấp đường	Hạn chế so với cấp đường					Ghi chú
		Điểm đầu	Từ (Km)	Điểm cuối	Đến (Km)			Lý trình	Tải trọng trục	Bề rộng hạn chế	Chiều cao hạn chế	Lý do hạn chế	
1	2		3		4	5	6	7	8	9	10	11	
A	Quốc lộ 279:												
I	Đoạn Km229-Km309												
1	QL.279	Nà Tàn - Cự Lễ - Na Rì (Giáp Lạng Sơn)	Km229+000	Cự Lễ - Na Rì	Km243+300	Bắc Kạn	V Miền núi		100KN	Không	Không		
2	QL.279	Cự Lễ - Na Rì	Km243+300	Lam Sơn - Na Rì	Km245+700	Bắc Kạn						Đi trùng QL.3B từ Km82+450 – Km85+820	
3	QL.279	Lam Sơn - Na Rì	Km245+700	Lãng Ngâm - Ngân Sơn	Km299+000	Bắc Kạn	V Miền núi		100KN	Không	Không		
4	QL.279	Km299+000	Km309+000	Bắc Kạn	Km309+000	Bắc Kạn						Đi trùng QL.3 từ Km183+300 - Km193+300	
II	Đoạn Km309-Km340												
5	QL.279	TT Nà Phặc - Ngân Sơn	Km309+000	Hà Hiệu - Ba Bể	Km313+000	Bắc Kạn	IV miền núi		100KN	Không	Không		
6	QL.279	Hà Hiệu - Ba Bể	Km313+000	Hà Hiệu - Ba Bể	Km321+000	Bắc Kạn	VI miền núi		100KN	Không	Không		
7	QL.279	Hà Hiệu - Ba Bể	Km321+000	TT Chợ Rã - Ba Bể	Km340+000	Bắc Kạn	IV miền núi		100KN	Không	Không		
III	Đoạn Km27-Km63												
1	QL.279	TT Chợ Rã - Ba Bể	Km27+000	TT Chợ Rã - Ba Bể	Km28+300	Bắc Kạn	V miền núi		100KN	Không	Không		

2	QL.279	TT Chợ Rã - Ba Bê	Km28+300	TT Chợ Rã - Ba Bê	Km30+900	Bắc Kạn	Đường đô thị		100KN	Không	Không		
3	QL.279	TT Chợ Rã - Ba Bê	Km30+900	Cao Thượng - Ba Bê (Giáp Tuyên Quang)	Km63+000	Bắc Kạn	V miền núi		100KN	Không	Không		
B Quốc lộ 3B:													
1	QL.3B	Khau Khem - Cường Lợi - Na Rì (giáp Lạng Sơn)	Km61+00	Cường Lợi - Na Rì	Km75+600	Bắc Kạn	VI miền núi		100KN	Không	Không		
2	QL.3B	Cường Lợi - Na Rì	Km75+600	TT Yên Lạc - Na Rì	Km82+00	Bắc Kạn	Đường đô thị		100KN	Không	Không		
2	QL.3B	Cường Lợi - Na Rì	Km75+600	TT Yên Lạc - Na Rì	Km82+00	Bắc Kạn	Đường đô thị		100KN	Không	Không		Đoạn tránh TT Yên Lạc
3	QL.3B	TT trấn Yên Lạc - Na Rì	Km82+000	P. Xuất Hóa - TP Bắc Kạn	Km130+600	Bắc Kạn	IV miền núi		100KN	Không	Không		
5	QL.3B	P. Xuất Hóa - TP Bắc Kạn	Km130+600	P. Chí Kiên - TP. Bắc Kạn	Km140+100	Bắc Kạn							Đi trùng QL.3 từ Km144 - Km153+300
6	QL.3B	P. Chí Kiên - TP. Bắc Kạn	Km140+100	P. Sông Cầu - TP. Bắc Kạn	Km142+800	Bắc Kạn	Đường đô thị		100KN	Không	Không		
7	QL.3B	P. Sông Cầu - TP. Bắc Kạn	Km142+800	TT Bằng Lũng - Chợ Đồn	Km183+600	Bắc Kạn	IV miền núi		100KN	Không	Không		
8	QL.3B	TT Bằng Lũng - Chợ Đồn	Km183+600	Ngọc Phái - Chợ Đồn	Km184+600	Bắc Kạn	Đường đô thị		100KN	Không	Không		
9	QL.3B	Ngọc Phái - Chợ Đồn	Km184+600	Yên Thịnh - Chợ Đồn	Km203+250	Bắc Kạn	IV miền núi		100KN	Không	Không		
10	QL.3B	Yên Thịnh - Chợ Đồn	Km203+250	Đèo Kéo Mác - Yên Thịnh - Chợ Đồn (giáp Tuyên Quang)	Km211+00	Bắc Kạn	V miền núi		100KN	Không	Không		
C Quốc lộ 3C:													
1	QL.3C	Đèo So- Bình Trung - Chợ Đồn (Giáp Thái Nguyên)	Km35+00	TT Bằng Lũng - Chợ Đồn	Km67+900	Bắc Kạn	Cấp V miền núi		100KN	Không	Không		